TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2023/DSPT
Ngày: 14/8/2023
"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Toàn Giang
Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng
Ông Đỗ Minh Hoàng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký TAND thành phố Hà Nội.

- Kiểm sát viên tham dự phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 14/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 614/2022/TLPT- DS ngày 26/12/2022 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98 ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện HĐ bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2021/QĐXXPT-DS, ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Tiến Th, sinh năm 1966.

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn Đ, sinh năm 1949;

Trú tại: thôn T, xã T, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. *Đều có mặt tại phiên tòa*.

2. Bị đơn: Ông Phan Tiến T, sinh năm 1957. (có mặt)

Trú tại: Đội 4, thôn C, xã Q, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Vũ Thị Kiều A – Công ty Luật TNHH T– Đoàn luật sư TP Hà Nội. Luật sư Hứa Thị X – Công ty Luật M (có mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Uỷ ban nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Thị Trấn T, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T – Chủ tịch UBND huyện HĐ. Ủy quyền cho bà Hồ Thị N – Chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện HĐ. (vắng mặt)

3.2. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1949; (có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.3. Bà Phan Thị Th1(tức Phan Thị Tư), sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn M, xã HĐ, huyện L, tỉnh LĐ;

3.4. Bà Phan Thị H, sinh năm 1969; (có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.5. Anh Quách Châu C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: cụm 8, thôn G, xã T, huyện T, Hà Nội.

3.6. Anh Quách Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: cụm 8, thôn G, xã T, huyện T, Hà Nội.

3.7. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.8. Anh Phan Tiến T, sinh năm 1991(có mặt).

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.9. Chị Phan Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.10. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Trú tại: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.11. Anh Phan Tiến T', sinh năm: 1984 (có mặt)

Trú tại: Đội 4, thôn C, xã Q, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.

3.12. Cháu Phan Khánh H, sinh ngày 03/9/2011;

Trú tại: Đội 4, thôn C, xã Q, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.

(Do anh T và chị S là bố mẹ đẻ là người đại diện theo pháp luật);

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà Th, anh C, anh K, bà B, anh T, chị H, chị S, anh T là: Ông Phan Tiến T, sinh năm 1957; Trú tại: Đội 4, thôn C, xã Q, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.

3.13. Bà Phan Thị B, sinh năm 1975 (có mặt)

Trú tại: Đội 2, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3.14. Bà Phan Thị M, sinh năm 1962 (có mặt)

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội;

3.15. Ông Nguyễn Chí P, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Trú tại: thôn Minh H 3, xã K, huyện HĐ, Tp. Hà Nội.

(Người kháng cáo: bị đơn ông Phan Tiến T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, bà Phan Thị Th; bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Phan Tiến T trình bày:

Cụ ông Phan Tiến A, sinh năm 1926 (chết ngày 19/6/2006) và cụ bà Vinh Thị H (chết năm 2005). Cụ A và Cụ H có 08 người con chung gồm:

1. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1949;

2. Bà Phan Thị C, sinh năm 1953 (đã chết năm 1998). Bà C có chồng là ông Quách Xuân N và 04 người con là: Anh Quách Châu C, sinh năm 1985; Anh Quách Văn K, sinh năm 1989; Chị Quách Thị H (đã chết năm 1998, không có chồng, con); Chị Quách Thị T (đã chết năm 1998, không có chồng, con);

3. Ông Phan Tiến T, sinh năm 1957;

4. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1959 (tức Phan Thị Tư);

5. Bà Phan Thị M, sinh năm 1962;

6. Ông Phan Tiến T, sinh năm 1966;

7. Bà Phan Thị H, sinh năm 1969;

8. Bà Phan Thị B, sinh năm 1975;

Cụ A và Cụ H không còn người con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ của Cụ A và Cụ H đều đã chết trước Cụ A và cụ Hóa.

Khi Cụ H chết không để lại di chúc. Khi Cụ A chết có để lại di chúc do ông Phan Tiến Tr là người viết hộ di chúc, người làm chứng là ông Phan Tiến C (đã chết), ông Phan Tiến L, ông Phan Chí Th, đại diện thôn là ông Đỗ Văn C, hàng xóm là ông Đỗ Văn Q, có xác nhận của UBND xã Q ngày 26/5/2006.

Cụ A có để lại di chúc để phân chia 432m2 đất thổ cư ở vị trí:

- Phía Đông giáp nhà ông Phan Tiến K;
- Phía Tây giáp đường làng;
- Phía Nam giáp ngõ xóm;
- Phía Bắc giáp nhà ông Phan Tiến B và bà Đình Thị L.

Việc phân chia là để lại cho ông Phan Tiến T 216m2 đất thổ cư phần diện tích đất có ao, ông Phan Tiến T 216m2 đất thổ cư còn lại.

Hiện nay, toàn bộ diện tích đất này vẫn do ông Phan Tiến T quản lý, sử dụng.

Cụ Phan Tiến A còn một thửa đất được sử dụng lâu dài do đổi đất rau vào, ông Thắng không nhớ đó là đất tiêu chuẩn loại nào. Khi Cụ A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Tiến A, ông Thắng và các con Cụ A đều biết. Phần đất này, ông ở cùng với bố đến tận khi bố ông qua đời. Diện tích thửa đất ông không nhớ rõ lắm, địa chỉ tại: Đội 4, thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội. Khi bố ông qua đời, không di chúc lại về thửa đất đó nhưng có dặn lại bằng miệng để lại thửa đất đó cho ông Thắng để lo công việc cho bố ông và trang trải nợ nần. Việc có người làm chứng việc bố ông cho thửa đất thì đến nay ông cũng không nhớ rõ. Hiện nay, thửa đất đó ông đã bán cho anh D, chị T ở xóm Sơn Tượng, xã K, huyện HĐ, Hà Nội. Anh D, chị T đang quản lý, sử dụng thửa đất. Ông bán thửa đất với giá là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

Nay, ông Phan Tiến T yêu cầu Chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông để lại là 01 thửa đất diện tích 662m2 tại thửa đất số 127 và 170m2 thửa đất số 177 cùng tờ bản đồ số 320-C-1 tại địa chỉ: C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Trong đó, chia thừa kế phần của mẹ ông để lại theo pháp luật và chia thừa kế phần tài sản của bố ông để lại theo di chúc.

Đối với thửa đất ông đã bán đi, ông bán để lo hậu sự cho bố ông và trả nợ nên đã không còn gì.

Tại phiên Tòa ông Phan Tiến T đề nghị tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố ông để lại theo di chúc, không yêu cầu chia di sản thừa kế của mẹ ông để lại.

Bị đơn là ông Phan Tiến T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về hàng thừa kế: ông công nhận hàng thừa kế của bố mẹ ông theo phần trình bày của phía nguyên đơn.

Khi mẹ ông là bà Vinh Thị H chết không để lại di chúc. Khi bố ông là ông Phan Tiến A chết có để lại di chúc hay không, ông không biết.

Về di sản: Bố mẹ ông có 01 thửa đất là thửa số 238, tờ bản đồ số 320-C-I tại thôn C, xã Q, huyện HĐ đứng tên ông Phan Tiến A, diện tích 260m2. Hiện nay, thửa đất này, em trai ông là ông Phan Tiến T đã bán. Khi bán, có họp nội tộc hòa giải thì ông mới được biết có di chúc do bố ông là ông Phan Tiến A để lại. Khi đó, nội tộc hòa giải, thuyết phục để cho ông Phan Tiến T sử dụng thửa đất 260m2 đứng tên bố ông, còn ông sử dụng toàn bộ thửa đất đứng tên ông là thửa đất số 127 và thửa đất số 177 cùng tờ bản đồ số 320-C-1 tại địa chỉ: C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, nguồn gốc thửa đất của bố mẹ ông cho ông từ năm 1992 đã đứng tên ông, do bố ông làm sổ cho ông. Khi bố ông làm sổ cho ông, ông cũng không biết. Khi có sổ, bố ông là người giữ sổ chứ ông cũng không giữ. Đến năm 1994, ông làm nhà hiện đang ở thì mới biết có sổ mang tên ông Phan Tiến T.

Đối với thửa đất mang tên bố ông là ông Phan Tiến A, cả bố ông và các cụ trong nội tộc đều khẳng định chỉ để cho ông Thắng ở chứ không cho bán. Tuy nhiên, ngày 05/5/2011, ông Thắng cùng vợ mời nội tộc và toàn bộ các con trong hàng thừa kế của bố mẹ ông đến nhà ông, đưa ra di chúc của bố ông và hồ sơ khởi kiện. Sau đó, trưởng nội tộc là ông Phan Tiến Lài (đã chết) đã tiến hành hòa giải cho gia đình ông. Buổi hòa giải, toàn bộ gia đình ông đều ký vào biên bản hòa giải. Sau khi hòa giải nội tộc xong, được khoảng 3-4 ngày, ông Phan Tiến T đã bán toàn bộ thửa đất đứng tên bố ông. Ông không biết ông Thắng bán cho ai. Khi đó, gia đình ông chỉ ký giấy để giao thửa đất đó cho ông Thắng sử dụng, sinh hoạt. Ông Thắng đã tự bán thửa đất trên.

Ngoài ra, ông Thắng còn bán phần đất nông nghiệp được chia theo nhân khẩu đứng tên bố ông với tổng diện tích là 16 thước (tương đương 384m2), chia theo nhân khẩu năm 1991 là đất khoáng sản chứ không phải phần đất đổi để thành đất ở như ông Thắng trình bày. Ông Thắng đã bán thửa đất đó năm 2008.

Toàn bộ việc bán đất ông Thắng tự thực hiện, gia đình không biết về tiền bán, người mua.

Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất của ông hiện nay, ông và vợ con ông đã cùng góp công sức tôn tạo, xây dựng các công trình trên thửa đất như hiện nay. Những người đang sinh sống trên đất gồm: Ông Phan Tiến T; Bà Nguyễn Thị B (vợ ông Tồn); Anh Phan Tiến T' (con trai); Chị Nguyễn Thị S (con dâu); Chị Phan Thị H (con gái); Anh Phan Tiến T (con trai); Cháu Phan Khánh H (cháu gái). Ngoài những người này ra, trên đất không còn ai khác sinh sống.

Nay, việc ông Thắng khởi kiện, ông không đồng ý vì ngoài di chúc ông Thắng đã nộp thì gia đình, nội tộc đã có sự hòa giải, phân chia lại cho phù hợp. Ông Thắng đã nhận toàn bộ phần tài sản của ông Thắng rồi.

Nếu có việc chia di sản, ông Tồn đề nghị chia phần di sản mang tên bố ông là ông Phan Tiến A. Phần đất của ông thì bố ông đã cho ông trước khi chết và làm sổ đỏ cho ông nên ông không đồng ý chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T1, bà Phan Thị Th1 trình bày:

Các bà là con ông Phan Tiến A và bà Vinh Thị H. Các bà đồng ý với ý kiến của ông Phan Tiến T và ủy quyền toàn bộ việc tham gia tố tụng cho ông Tồn. Trường hợp được chia di sản, các bà đề nghị được nhường toàn bộ kỷ phần mà mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Xuân Nguyên, anh Quách Châu C và anh Quách Văn K trình bày:

Ông Nguyên, anh C và anh K nhất trí với ý kiến trình bày của ông Thắng, ông Tồn về quan hệ huyết thống của cụ ông Phan Tiến A (đã chết năm 2006) và cụ bà Vinh Thị H (đã chết năm 2005). Hai cụ có 08 người con, bà Phan Thị C là con đẻ của cụ ông Phan Tiến A và cụ bà Vinh Thị H.

Vợ chồng ông Quách Xuân N và bà Phan Thị C, sinh năm 1953 (đã chết năm 1998) có 04 người con là: Anh Quách Châu C, sinh năm 1985; Anh Quách Văn K, sinh năm 1989; Chị Quách Thị H (đã chết năm 1998, không có chồng, con); Chị Quách Thị T (đã chết năm 1998, không có chồng, con). Ngoài ra, không còn người con nào khác nữa.

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là của bên ngoại tại xã Q. Bản thân ông Nguyên và các anh không biết rõ cụ thể như thế nào.

Nay, việc khởi kiện xảy ra, quan điểm của ông Nguyên và các anh là không liên quan đến khối tài sản đang có tranh chấp này. Trường hợp có được hưởng kỷ phần đối với khối di sản của ông bà ngoại để lại, ông Nguyên và các anh tự nguyện nhường kỷ phần cho ông Phan Tiến T để thờ cúng tổ tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, chị Nguyễn Thị Hoa, chị Nguyễn Thị S do người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Tiến T trình bày:

Bà B là vợ ông Phan Tiến T, anh T, chị H, chị S là con trai và con dâu ông Phan Tiến T. Bà B, anh T, chị H, chị S đều đang trực tiếp sinh sống trên thửa đất. Toàn bộ ý kiến của bà B, anh T, chị H, chị S đều thống nhất theo ý kiến của ông Tồn và ủy quyền toàn bộ cho ông Tồn giải quyết vụ án.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Tiến T' trình bày:**

Anh T là con trai ông Phan Tiến T. Theo anh, những tài sản mà ông nội anh đứng tên thì mới được chia và coi là di sản. Còn phần tài sản ông đã cho và bố anh là ông Phan Tiến T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không còn được coi là di sản nữa.

Khi ông Thắng bán xong thửa đất mang tên ông An mà ông Thắng trình bày để lo hậu sự cho ông An thì sau đó, hoàn toàn không thấy ông Thắng thực hiện nghĩa vụ đó. Anh không đồng ý với quan điểm khởi kiện của ông Thắng và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: bà Phan Thị H, bà Phan Thị M, bà Phan Thị B trình bày:**

Về hàng thừa kế của bố các bà là ông Phan Tiến A (đã chết năm 2006) và mẹ bà là bà Vinh Thị H (đã chết năm 2005), các bà nhất trí với phần trình bày của ông Phan Tiến T và ông Phan Tiến T.

Bố mẹ các bà có để lại 02 khối di sản là: Thửa đất số 95 ông Thắng đã được đứng tên và chuyển nhượng cho người khác. Nguồn gốc thửa đất này là đất % được nhà nước giao năm 1987 vào đất vườn của gia đình. Thửa đất này thuộc tiêu chuẩn đất % của 5 khẩu gồm: cụ An, cụ Hóa, ông Thắng, bà Biến và bà Hòa.

Thửa đất hiện nay ông Tồn đang đứng tên có nguồn gốc là do bố mẹ các bà được thừa kế từ các cụ đời trước để lại. Quá trình quản lý, sử dụng các thửa đất này như thế nào các bà cũng không biết.

Nay, việc kiện xảy ra, quan điểm của các bà là: Đối với tiêu chuẩn trong thửa đất nông nghiệp của các bà mà ông Thắng đã chuyển nhượng các bà không có yêu cầu gì, đồng ý để ông Thắng chuyển nhượng.

Đối với thửa đất hiện nay ông Tồn đang quản lý thì đề nghị Tòa án xác định là di sản của bố mẹ các bà để lại để chia thừa kế theo di chúc của bố các bà, trong trường hợp di chúc không hợp pháp thì các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu các bà được hưởng di sản của bố mẹ các bà để lại thì các bà tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần các bà được hưởng cho ông Phan Tiến T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Chí P trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội là của bố anh là ông Nguyễn Chí Dũng, sinh năm 1967 nhận chuyển nhượng của một người ở xã Q. Đến năm 2013, bố anh đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất này cho anh. Hiện nay, anh đã được UBND huyện HĐ cấp GCN QSDĐ ngày 25/3/2013 đứng tên anh Nguyễn Chí P.

Nguồn gốc trước đây của thửa đất là của ai, như thế nào thì anh không biết. Hiện nay, thửa đất này đang do anh trực tiếp quản lý, trồng một số loại cây trên đất, có 01 bể nước như Biên bản thẩm định thể hiện.

Nay, việc khởi kiện xảy ra, quan điểm của anh là thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh. Đề nghị Tòa án công nhận là quyền sử dụng hợp pháp của anh và không đưa khối tài sản này vào là di sản thừa kế để chia trong vụ án.

*** Biên bản xác minh tại UBND xã Q thể hiện:**

1. Đối với thửa đất do ông Phan Tiến T đứng tên tại C, Q:

Theo sổ mục kê năm 1986 (không có bản đồ địa chính) là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 878m2, loại đất: nhà ở, đứng tên ông Phan Tiến T (Trang 64) tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội.

Theo bản đồ địa chính năm 1990 thể hiện là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 320-C-I, diện tích 662m2 tại tôn C, xã Q.

Năm 1992, ông Phan Tiến T đã được UBND huyện HĐ cấp GCN QSDĐ số B153270 với tổng diện tích 932m2, trong đó, 360m2 đất ở, 302m2 đất vườn tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 320-C-I và 100m2 đất làm kinh tế gia đình; 170m2 đất ao tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 320-C-I.

Hiện trạng sử dụng theo Biên bản thẩm định đã làm.

2. Theo sổ mục kê năm 1986 (không có bản đồ địa chính), ông Phan Tiến T đứng tên thửa đất số 195, diện tích 263m2, loại đất: nhà ở (trang 65), địa chỉ:

thôn C, xã Q, HĐ, Hà Nội. Vị trí thửa đất không xác định được do không có bản đồ địa chính. (BL 163 tên Thắng, BL 169 đổi đất thửa 238 - 04 khẩu- tên An thửa 238 – 260m2).

3. Theo danh sách xét duyệt cấp GCN QSDĐ năm 1992, trên địa bàn xã Q thể hiện: Danh sách các hộ HTX C được xét cấp GCN QSDĐ đợt 1, tại trang 56, ông Phan Tiến A được cấp 260m2 đất %; tại trang 59 thể hiện ông Phan Tiến T được cấp 360m2 đất ở; 302m2 đất vườn; 100m2 đất %; 170m2 đất ao. Đất % có diện tích 100m2 của gia đình ông Tồn (đất kinh tế gia đình) không nằm tại thửa 127.

4. Năm 1992, ông Phan Tiến A đã được UBND huyện HĐ cấp GCN QSDĐ số B168676 ngày 25/3/1992 đối với thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, diện tích 260m2 đất %.

Việc biến động của thửa đất này như thế nào, UBND không nắm được. Hiện nay, thửa đất trên do ông Nguyễn Chí P đang quản lý, sử dụng.

5. Về tiêu chuẩn đất nông nghiệp: trước 00h 00 phút ngày 01/6/1987, người có mặt tại địa phương sẽ được giao đất %. Năm 1987, hộ ông Phan Tiến A và hộ ông Phan Tiến T là hai hộ riêng biệt. Hộ ông Phan Tiến A được giao đất % vào đất vườn của gia đình ông An. Theo quy định tại thời điểm giao đất, những hộ gia đình lấy đất nông nghiệp về đất vườn thì được giao nguyên thửa đất vườn, thừa không rút ra thiếu bổ sung thêm. Riêng trường hợp gia đình ông Phan Tiến A không bị trừ tiêu chuẩn giao đất năm 1992 về đất vườn và đã được cấp đủ theo tiêu chuẩn cho 04 nhân khẩu ở vị trí ngoài vùng bãi năm 1992. Mỗi nhân khẩu tại địa phương được giao đất nông nghiệp năm 1992 là 296 m^2 (đất cấy + đất màu). Đất % được giao năm 1987 của mỗi nhân khẩu tại địa phương là từ 24 đến 25 m^2.

*** Tại biên bản thẩm định và Biên bản định giá tài sản thể hiện:**

1/ Thửa đất 127, 177 hiện nay ông Tồn đang quản lý, sử dụng:

Khu I:

- Nhà 02 tầng, mái ngói, bê tông kiên cố, chưa sơn, không có công trình phụ, tường 20, xây dựng năm 2014, có giá trị: 5.254.000đ/m2 x 77,9 m^2 = 409.286.600đ.

- Sân láng xi măng xây dựng năm 2014, có giá trị: 255.000đ/m2 x 43,5 m^2 = 11.092.500đ

- Tường bao trát xi măng 110, cao 1,5 m, dài 11,71m (02 đoạn) xây dựng năm 2014, có giá 270.000đ/1m^2 x 17,6m^2 = 4.752.000đ

- 01 nhà 02 tầng, mái ngoái bê tông kiên cố , đã hoàn thiện xây dựng năm 2019, có công trình phụ, tường 20, có giá trị: 5.851.000đ/1m^2 x 58 m^2 = 339.358.000đ

- Sân lát đá hoa xây dựng năm 2019, có giá 267.000đ/1m^2 x 41,5 m^2 = 11.080500đ;

- Tường bao xây năm 2019, có giá: 608.000đ/1m^2 x 11,4 m^2 = 6.931.200đ

- Tường rào hoa sắt, xây năm 2019. Có giá 474.000đ/1m^2

- Cổng sắt 04 cánh, hai trụ cổng, xây dựng năm 2014. Hỗ trợ di dời: 5.000.000đ

- Cổng sắt 02 cánh kéo làm năm 2014. Hỗ trợ di dời: 5.000.000đ

- 01 cây bưởi cao trên 03 m đường kính thân 10 cm có giá: 228.000đ.

Khu II:

- 01 bể nước làm năm 1994, thể tích 1m^3, trị giá: 882.000đ
- 01 lán tạm lợp tôn, làm năm 2018, trị giá: 222.000đ/1m^2 x 3,7 m^2 = 821.400đ
- 01 cây hồng xiêm cao trên 05 m, trị giá 570.000đ
- 01 bể nước làm bể lọc, làm năm 2018, trị giá 2.646.000đ
- 01 nhà cấp 4 bê tông chưa sơn, xây dựng năm 2018 làm công trình phụ, trị giá: 4.071.000đ/1m^2 x 25,1 m^2 = 102.182.100đ
- Mái vảy lợp tôn , xây dựng năm 2014, trị giá: 117.000đ/1m^2 x 54,1 m^2 = 6.329.700đ
- 01 nhà cấp 4 mái ngói, xây dựng năm 1994, trị giá: 1.113.000đ/1m^2 x 60 m^2 = 66.780.000đ
- Sân lát gạch, trị giá: 253.000đ/1 m^2 x 37,7 m^2 = 9.538.100đ
- Tường bao làm năm 1994, trị giá: 135.000đ/1 m^2 x 10,52 m^2 = 1.420.200đ
- 01 cây hòe cao trên 05 m, đường kính 25 cm, trị giá: 360.000đ

Khu III (Vườn).

- 01 cây khế cao trên 03 m, đường kính 20 cm, trị giá: 200.000đ
- 01 cây nhãn cao trên 03 m, đường kính 20 cm, trị giá: 1.200.000đ
- 21 cây bưởi cao trên 03 m, trị giá: 228.000đ/cây x 21 = 4.788.000đ
- 03 cây bưởi cao trên 1,5 m. Trị giá: 68.000đ/cây x 3 = 204.000đ
- 01 cây sấu cao trên 03 m, đường kính 5 cm, trị giá: 240.000đ.
- 02 cây xoan cao trên 7 m, đường kính 25 cm, trị giá 140.000đ/cây x2 = 480.000đ
- 01 cây mít cao trên 05 m, đường kính 30 cm, trị giá: 1.050.000đ.
- Giá trị quyền sử dụng đất:

+ Đất ở: 10.000.000đ/1m^2 x 360 m^2 = 3.600.000.000đ.

+ Đất vườn, đất ao (đất nông nghiệp): 972.000đ/1 m^2 x 417,4 m^2 = 405.712.800đ

2/ Thửa đất hiện nay anh Nguyễn Chí P đang quản lý sử dụng:

- 01 bể nước, trị giá: 441.000đ x 1,9 m^2 = 837.900đ
- Tường rào, trị giá: 470.660đ
- 09 cây bưởi cao 4 m, trị giá: 160.000đ/cây x 9 = 1.440.000đ
- 02 cây bưởi cao 4 -5 m, trị giá: 410.000đ/cây x 2 = 820.000đ.
- 04 cây đu đủ, trị giá: 60.000đ/cây x 4 = 240.000đ
- 01 cây ổi, trị giá: 85.000đ
- 01 cây xoài, trị giá: 160.000đ
- 04 cây cam, trị giá: 137.000đ/cây x 4 = 548.000đ
- 01 bụi chối có 4 cây, trị giá: 160.000đ.
- 01 cây vông, trị giá 95.000đ
- Giá trị quyền sử dụng đất: 2.500.000đ/1m^2 x 256,7 m^2 = 641.750.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 98 ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện HĐ đã Xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiến T, chia thừa kế di sản của Cụ A và Cụ H để lại.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của Cụ A và Cụ H là năm 2006.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của của An và Cụ H gồm: Bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C và anh Quách Văn K (là thừa kế thế vị của bà Phan Thị C); ông Phan Tiến T; bà Phan Thị Th; bà Phan Thị M; ông Phan Tiến T; bà Phan Thị H; bà Phan Thị B.

- Xác định di sản thừa kế của Cụ A và Cụ H để lại có tổng giá trị là: 4.355.712.800đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Biến, bà Hòa, bà Mến giao kỷ phần mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, bà Th, anh C và anh K giao toàn bộ kỷ phần của mình ông Phan Tiến T.

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có trị giá là: 2.613.427.680đ.

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có trị giá là: 1.742.285.120đ.

Chia hiện vật:

- Giao nhà cấp 4 làm công trình phụ; 01 bể nước, 01 lán tạm lợp tôn, 01 bể lọc, 01 cây hồng xiêm trên phần diện tích đất 76,7m^2 tại thửa số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội cho ông Phan Tiến T. Tổng giá trị tài sản giao cho ông Thắng là: **874.101.500đ** .

- Giao toàn bộ tài sản còn lại trên 02 phần diện tích đất 254m^2 và 446,8 m^2 tại thửa số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội cho ông Phan Tiến T.

Hai bên tự mở lối đi trên phần diện tích đất mình được giao (có sơ đồ giao đất kèm theo).

Ông Phan Tiến T phải chịu trách nhiệm đối với phần di sản của Cụ A và Cụ H tại thửa 238 tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có giá trị là: 350.000.000đ

Tổng tài sản ông Phan Tiến T được nhận có giá trị là:

874.101.500đ + 350.000.000đ = 1.224.101.500đ.

- Ông Phan Tiến T có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Tiến T số tiền là: **518.183.620đ.**

2/- Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Chí P tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3/- Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

* Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/- Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh về biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn ông Phan Tiến T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C, anh Quách Văn K ; bà Phan Thị Th; bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo bị đơn ông Phan Tiến T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, bà Phan Thị Th, bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S giữ nguyên kháng cáo, cùng đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn ông Tồn: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Tiến T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, bà Phan Thị Th, bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí. Ông Phan Tiến T, bà Phan Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí. Đơn kháng cáo được coi là hợp lệ về hình thức.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự.

[2.1] Bị đơn ông Phan Tiến T, và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng Thửa đất số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc của cụ Phan Tiến A và cụ Vinh Thị H. Khi còn sống cụ An, Cụ H đã cho ông Tồn nên không còn là di sản để chia thừa kế. Di sản của Cụ A và Cụ H để lại chỉ có quyền sử dụng thửa đất số 238 tờ bản đồ số 320-C-I, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Theo cung cấp của UBND xã Q thể hiện: Theo sổ mục kê năm 1986 (không có bản đồ địa chính) là thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 878m2, loại đất: nhà ở, đứng tên ông Phan Tiến T tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội.

Theo bản đồ địa chính năm 1990 thể hiện là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 320-C-I, diện tích 662m2 tại tôn C, xã Q.

Năm 1992, ông Phan Tiến T đã được UBND huyện HĐ cấp GCN QSDĐ số B153270 với tổng diện tích 932m2, trong đó 360m2 đất ở, 302m2 đất vườn tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 320-C-I và 100m2 đất làm kinh tế gia đình; 170m2 đất ao tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 320-C-I.

Theo danh sách xét duyệt cấp GCN QSDĐ năm 1992, trên địa bàn xã Q thể hiện: Danh sách các hộ HTX C được xét cấp GCN QSDĐ đợt 1, tại trang 56, ông Phan Tiến A được cấp 260m2 đất %; tại trang 59 thể hiện ông Phan Tiến T được cấp 360m2 đất ở; 302m2 đất vườn; 100m2 đất %; 170m2 đất ao. Đất % có diện tích 100m2 của gia đình ông Tồn (đất kinh tế gia đình) không nằm tại thửa 127

Nhưng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc ông Phan Tiến T được cụ Phan Tiến A và cụ Vinh Thị H tặng cho các thửa đất nêu trên.

Mặt khác, năm 2006 khi còn sống, cụ Phan Tiến A đã lập di chúc về việc phân chia đối với các thửa đất nêu trên, thể hiện quan điểm Cụ A chưa tặng cho ông Tồn các thửa đất này.

Sau khi cụ An, Cụ H chết, năm 2011 xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất, ông Phan Tiến T, ông Phan Tiến T đã mời nội tộc đến để hòa giải việc phân chia. Bị đơn ông Tồn đã cung cấp cho Tòa án 03 bản viết tay phô tô liên quan đến vấn đề này. Trong đó có 01 bản viết tay thể hiện việc phân chia: Thửa đất này cho ông Tồn và thửa đất 238 cho ông Thắng. Nhưng việc xác lập văn bản thỏa thuận này thể hiện việc ông Tồn chưa được Cụ A và Cụ H tặng cho các thửa đất này.

Ngoài ý kiến đã trình bày, bị đơn ông Tồn không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh về việc được được Cụ A và Cụ H tặng cho các thửa đất này.

Kháng cáo của ông Phan Tiến T và người có quyền và nghĩa vụ liên quan khác là không có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên không được chấp nhận.

Ngoài các thửa đất nêu trên cụ An, Cụ H còn có thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, diện tích 260m2 đất % địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội và đã được UBND huyện HĐ cấp GCN QSDĐ số B168676 ngày 25/3/1992 đứng tên cụ Phan Tiến A .

Thửa đất này có nguồn gốc là đất vườn của ông cha để lại cho cụ An, năm 1987 thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc giao đất % cho các hộ gia đình vào đất vườn ao. Gia đình Cụ A gồm 04 nhân khẩu là: Cụ Phan Tiến A, cụ Vinh Thị H, bà Phan Thị B và ông Phan Tiến T đã được giao đất % vào thửa đất này.

Các đương sự thừa nhận, sau khi Cụ A và Cụ H chết đã được các con của Cụ A và Cụ H thống nhất giao cho ông Phan Tiến T. Hiện nay, thửa đất này đã được chuyển nhượng qua hai người và hiện nay đang do ông Nguyễn Chí P quản lý và sử dụng. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Chí P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Chí P đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ người thứ ba ngay tình trong quan hệ giao dịch dân sự. Xét đề nghị của ông Nguyễn Chí P là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự.

Vì vậy, có cơ sở để xác định di sản của Cụ A và Cụ H để lại thừa kế là:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 127 và thửa đất số 177 cùng tờ bản đồ số 320-C-I, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội.

+ ½ Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội,

[2.3] Cụ Vinh Thị H chết năm 2005 khi chết không để lại di chúc; cụ Phan Tiến A chết năm 2006, khi chết có để lại di chúc; Cụ Phan Tiến A và cụ Vinh Thị H có 08 người con là: Bà Phan Thị T1; bà Phan Thị C (đã chết năm 1994); ông Phan Tiến T; bà Phan Thị Th; bà Phan Thị M; ông Phan Tiến T; bà Phan Thị H; bà Phan Thị B.

Bà Phan Thị C chết năm 1998, khi chết không để lại di chúc. Bà Phan Thị C có chồng là ông Quách Xuân N và 04 con là: Quách Thị Hiền, Quách Thị Thảo, Quách Châu C và Quách Văn K. Chị Hiền và chị Thảo chết năm 1998 không có chồng con.

Ông Phan Tiến T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Phan Tiến A để lại theo di chúc gồm: quyền sử dụng đất diện tích 432 m^2 tại thửa đất số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện HĐ, Hà Nội hiện nay gia đình ông Phan Tiến T sử dụng.

Xét, Bản di chúc đề ngày 26/5/2006 của cụ Phan Tiến A để lại hình thức là văn bản viết tay, có 02 người làm chứng và có xác nhận của chính quyền địa phương. Nhưng di chúc không đánh số trang, không có chữ ký hoặc điểm chỉ tất cả các trang, việc xác nhận của UBND xã không ghi ngày, tháng , năm. Nội dung di chúc thể hiện tài sản mà Cụ A xác định trong di chúc là tài sản của vợ chồng Cụ A và cụ Hóa, không phải tài sản của một mình Cụ A nhưng Cụ A lại định đoạt phần tài sản thừa kế vượt quá phần của mình trong khối tài sản chung vợ chồng. Không xác định rõ phần diện tích đất giao cho ông Phan Tiến T, ông Phan Tiến T ở vị trí nào, không có sơ đồ phân chia đất kèm theo. Bản án sơ thẩm xác định di chúc ngày 26/5/2006 của Cụ A không hợp pháp, hình thức, nội dung di chúc vi phạm Điều 653 BLDS năm 2005 là có căn cứ.

Bị đơn ông Phan Tiến T không đồng ý chia thừa kế như yêu cầu của nguyên đơn, chỉ chia thừa kế di sản của Cụ A và Cụ H để lại là quyền sử dụng thửa đất số 238 tờ bản đồ số 320-C-I, tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M, bà Phan Thị H, bà Phan Thị B đề nghị Tòa án xác định di sản của Cụ A và Cụ H để lại là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Phan Tiến A và Vinh Thị H để lại theo quy định của pháp luật. Bà Biến, bà Hòa và bà Mến tự nguyện dành toàn bộ kỷ phần mà mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C và anh Quách Văn K (là thừa kế thế vị của bà Phan Thị C); bà Phan Thị Th1tự nguyện dành toàn bộ kỷ phần mà mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Từ những phân tích nêu trên xác định cụ Phan Tiến A chết để lại di chúc không hợp pháp, cụ Vinh Thị H chết không để lại di chúc. Bản án sơ thẩm nên quyết định chia thừa kế di sản của Cụ A và Cụ H để lại theo pháp luật là phù hợp.

[2.4]. Tại cấp phúc thẩm: Bị đơn và luật sư cho rằng, tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ theo giá thị trường mà căn cứ vào các bên chuyển nhượng thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, có giá trị là: 700.000.000đ là không có cơ sở. Đề nghị xem xét quy trình cấp giấy chứng nhận các thửa đất.

Xét, năm 2011 ông Tồn và anh em đồng ý giao thửa đất này cho ông Thắng. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Cụ A và cụ Hóa, sau đó là tên ông Thắng. Ông Thắng đã chuyển nhượng cho người khác, hiện anh Phi đang sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận. Cấp sơ thẩm xác định giá chuyển nhượng giữa ông Thắng với người khác để làm căn cứ xác định giá trị di sản của Cụ A và Cụ H đối với thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I là 700 triệu đồng là phù hợp. Việc xem xét thẩm định, định giá trong quá trình giả quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật, các đương sự không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên đề nghị nêu trên của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[2.5]. Xác định di sản thừa kế của Cụ A và Cụ H để lại gồm:

+ ½ thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, có giá trị là: 350.000.000đ.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, có giá trị là: 4.005.712.800đ.

Tổng giá trị di sản là: 350.000.000đ + 4.005.712.800đ = 4.355.712.800đ.

Quá trình quản lý di sản ông Phan Tiến T là người có công sức duy trì và phát triển di sản nên trích công sức của ông Phan Tiến T bằng 02 kỷ phần.

- Do hàng thừa kế thứ nhất của Cụ A và Cụ H không thay đổi nên chỉ cần mở thừa kế 01 lần và xác định thời điểm mở thừa kế là năm 2006.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Cụ A và Cụ H gồm: Bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C và anh Quách Văn K (là thừa kế thế vị của bà Phan Thị C); ông Phan Tiến T; bà Phan Thị Th; bà Phan Thị M; ông Phan Tiến T; bà Phan Thị H; bà Phan Thị B.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Biến, bà Hòa, bà Mến giao kỷ phần mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, bà Th, anh C và anh K giao toàn bộ kỷ phần của mình ông Phan Tiến T.

- Chia di sản thừa kế của Cụ A và Cụ H để lại bằng giá trị, cụ thể:

Mỗi kỷ phần có giá trị là: 4.355.712.800đ : 10 = 435.571.280đ

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có giá trị là: 435.571.280đ x 6 = 2.613.427.680đ.

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có giá trị là: 435.571.280đ x 4 = 1.742.285.120đ.

[2.6]. Chia hiện vật cụ thể như sau:

- Giao nhà cấp 4 làm công trình phụ; 01 bể nước, 01 lán tạm lợp tôn, 01 bể lọc, 01 cây hồng xiêm trên phần diện tích đất 76,7m^2 cho ông Phan Tiến T. Tổng giá trị tài sản giao cho ông Thắng là: 874.101.500đ .

- Giao toàn bộ tài sản còn lại trên 02 phần diện tích đất 254m^2 và 446,8 m^2 cho ông Phan Tiến T.

Hai bên tự mở lối đi trên phần diện tích đất mình được giao (có sơ đồ giao đất kèm theo).

Ông Phan Tiến T phải chịu trách nhiệm đối với phần di sản tại thửa 238, tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có giá trị là: 350.000.000đ

Tổng tài sản ông Phan Tiến T được nhận có giá trị:

874.101.500đ + 350.000.000đ = 1.224.101.500đ.

Kỷ phần ông Thắng được hưởng có giá trị**:** 1.742.285.120đ. Kỷ phần chênh lệch là: 1.742.285.120đ - 1.224.101.500đ = 518.183.620đ .

- Ông Phan Tiến T có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Tiến T số tiền là 518.183.620đ.

Đối với người được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất được giao, được chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu: Ông Phan Tiến T là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý không giao hoặc không thể giao lại được GiÊy chøng nhËn quyÒn sö dông ®Êt nêu trên thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự và quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông Phan Tiến T, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị Th, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi lên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Tiến T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 609; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; điểm b, khoản 3, Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiến T, bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, bà Phan Thị Th, bà Nguyễn Thị B, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 98 ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện HĐ và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiến T, chia thừa kế di sản của Cụ A và Cụ H để lại.

[2]. Xác định thời điểm mở thừa kế của Cụ A và Cụ H là năm 2006.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của của An và Cụ H gồm: Bà Phan Thị T1; anh Quách Châu C và anh Quách Văn K (là thừa kế thế vị của bà Phan Thị C); ông Phan Tiến T; bà Phan Thị Th; bà Phan Thị M; ông Phan Tiến T; bà Phan Thị H; bà Phan Thị B.

- Xác định di sản thừa kế của Cụ A và Cụ H để lại có tổng giá trị là: 4.355.712.800đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Biến, bà Hòa, bà Mến giao kỷ phần mình được hưởng cho ông Phan Tiến T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, bà Th, anh C và anh K giao toàn bộ kỷ phần của mình ông Phan Tiến T.

- Chia di sản thừa kế của Cụ A và Cụ H để lại bằng giá trị, cụ thể:

Mỗi kỷ phần có giá trị là: 4.355.712.800đ : 10 = 435.571.280đ

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có trị giá là: 2.613.427.680đ.

Ông Phan Tiến T được hưởng kỷ phần có trị giá là: 1.742.285.120đ.

[3]. Chia hiện vật:

- Giao nhà cấp 4 làm công trình phụ; 01 bể nước, 01 lán tạm lợp tôn, 01 bể lọc, 01 cây hồng xiêm trên phần diện tích đất 76,7m^2 tại thửa số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội cho ông Phan Tiến T. Tổng giá trị tài sản giao cho ông Thắng là: 874.101.500đ .

- Giao toàn bộ tài sản còn lại trên 02 phần diện tích đất 254m^2 và 446,8 m^2 tại thửa số 127 và thửa số 177 tờ bản đồ số 320 C-I, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội cho ông Phan Tiến T.

Hai bên tự mở lối đi trên phần diện tích đất mình được giao (có sơ đồ kèm theo).

Ông Phan Tiến T phải chịu trách nhiệm đối với phần di sản của Cụ A và Cụ H tại thửa 238 tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có giá trị là: 350.000.000đ

Tổng tài sản ông Phan Tiến T được nhận có giá trị là:

874.101.500đ + 350.000.000đ = 1.224.101.500đ.

- Ông Phan Tiến T có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Tiến T số tiền là: 518.183.620đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với người được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại điểm [3,4] phần quyết định của bản án này có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất được giao, được chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu: Ông Phan Tiến T là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B153270 do ủy ban nhân dân huyện HĐ cấp ngày 25/3/1992 có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý không giao hoặc không thể giao lại được GiÊy chøng nhËn quyÒn sö dông ®Êt nêu trên thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự và quy định của pháp luật.

[4]. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nguyễn Chí P tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 320-C-I, có địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

[5]. Về án phí:

Ông Phan Tiến T, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị Th, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi lên được miễn án phí.

Ông Phan Tiến T phải chịu: 64.268.554đ án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0008859 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ. Ông Phan Tiến T còn phải nộp 59.268.544đ (Năm mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 1.500.000 đồng Anh Quách Châu C, anh Quách Văn K, anh Phan Tiến T, anh Phan Tiến T', chị Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/001592 và số AA/2020/0015923 cùng ngày 16/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án huyện HĐ
- TAND huyện HĐ;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Toàn Giang